TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2020/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Anh Tòng Văn B, sinh năm 1992 và chị Lò Thị L, sinh năm1991; NĐKHKTT: Bản C A, xã Chiềng B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Tòng Văn B và chị Lò Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2012 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng D, huyện Mai Sơn vào ngày 31/5/2012.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị L đi làm xa nhà, không quan tâm chăm sóc được cho gia đình, khiến cuộc sống vợ chồng không dung hòa được, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, thường xuyên cãi cọ lẫn nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi mâu thuẫn sảy ra anh chị đã được hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại

phiên hòa giải, anh B, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh B, chị L.

[2] Về con chung: Anh B, chị L có 02 con chung là các cháu Tòng Thị Ngọc B, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Tòng Minh Q, sinh ngày, 30/10/2015. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, giao cả hai cháu B và cháu Q cho anh B nuôi dưỡng dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B do anh B không yêu cầu. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[A] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh B, chị L xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung vợ chồng. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh B nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tòng Văn B và chị Lò Thị L nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Tòng Thị Ngọc B, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Tòng Minh Q, sinh ngày 30/10/2015 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả hai cháu B, Q cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B vì anh B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh B, Chị L xác nhận trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung cũng như nợ chung vợ chồng. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Tòng Văn B nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004177 ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng D;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh